

Bản án số: 13/2023/ HS-PT
Ngày 27 tháng 3 năm 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2023/TLPT-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023 đối với Tô Kim B và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2022/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Tô Kim B, sinh năm 1969 tại Thái B; nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thái B; chỗ ở: tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Kim Q (đã chết) và bà Đặng Thị V; vợ là Vũ Thị H (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/02/1998 thực hiện hành vi đánh bạc, bị Công an huyện Tiền Hải, tỉnh Thái B ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Đánh bạc”, sau đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái B ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Tô Kim B; ngày 19/6/2006, Công an huyện Tiền Hải, tỉnh Thái B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; ngày 31/12/2008, Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái B xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày

12/8/2022 đến ngày 06/9/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định về việc Bảo lãnh. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương; có mặt.

2. Nguyễn Văn M, sinh năm 1988 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Á và bà Nguyễn Thị N; vợ là Đặng Thị N (đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2022 đến ngày 06/9/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định về việc Bảo lãnh. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương; có mặt.

3. Trần M D, sinh năm 1985 tại Hòa B; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Xóm 7, xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Gia V và bà Lê Thị Bích T; vợ là Phan Thị Bé Th con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2022 đến ngày 06/9/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định về việc Bảo lãnh. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương; có mặt.

4. Lê Văn N, sinh năm 1976 tại Hà Nam; nơi ĐKHKTT: Tổ 2, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Thôn C, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu B (đã chết) và bà Trần Thị L; vợ là Nguyễn Thị H; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2022 đến ngày 06/9/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định về việc Bảo lãnh. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương; có mặt.

5. Chu Thành T, sinh năm 1993 tại Hưng Yên; nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên; chỗ ở: tổ 6, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn L và bà Bùi Thị H; vợ là Quách Thị G; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/7/2012, bị Công an huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau; ngày 17/5/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Buôn bán hàng cấm”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2022 đến ngày 06/9/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định về việc Bảo lãnh. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương; có mặt.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Lê Văn T, sinh năm 1987 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn K, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Trương Thị N; vợ là Lý Thị D; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2022 đến ngày 06/9/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định về việc Bảo lãnh. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại địa phương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 12/8/2022, Lê Văn N đi đến quán nước của Tô Kim B tại tổ dân phố T, phường L, thành phố P. Cùng lúc này Lê Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu cam - đen, biển kiểm soát 90B2-961.68, Chu Thành T, Nguyễn Văn M đều cùng đến quán của B uống nước. Do trước đó T, N và M đã nhiều lần đánh bạc cùng nhau tại quán của B nên khi N, T, Tâm và M cùng ngồi uống nước đã hiểu ý cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi “Xóc đĩa” được thua bằng tiền. Sau đó, M lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei của M ra để truy cập vào ứng dụng “Xóc đĩa” tải về điện thoại của mình để đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, B thấy N, T, Tâm, M đang đánh bạc thì tham gia đánh bạc cùng. Sau đó Trần M D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu trắng, biển kiểm soát 29G1-388.25 đến quán của B thì nhìn thấy N, T, Tâm, M và B đang đánh bạc nên D vào tham gia đánh bạc cùng. Một lúc sau, Huỳnh Công Thi điều khiển xe mô tô kiểu dáng xe Dream, màu nâu, biển kiểm soát 90H3-6563 đến quán của B thấy cả nhóm đang đánh bạc thì Thi vào ngồi cạnh xem đánh bạc. Trong lúc đánh bạc, N, T, Tâm, M, D mỗi người đều đưa cho B số tiền 50.000đ để trả tiền thuốc, nước.

Quá trình chơi, các bị cáo thống nhất cách thức đánh bạc và tỷ lệ tiền T thua như sau: Đánh bạc bằng hình thức sử dụng điện thoại di động của Nguyễn Văn M truy cập vào ứng dụng “Xóc đĩa” để chơi xóc đĩa được thua bằng tiền. Ứng dụng “Xóc đĩa” là ứng dụng tự động bao gồm hình ảnh một chiếc đĩa trắng, một bát trắng, bốn quân vị tròn có hai mặt đỏ và đen lúc nào cũng ở trong đĩa. Khi bát chưa úp vào đĩa thì ấn màn hình điện thoại một lần bát sẽ úp vào đĩa che đi các quân vị, khi ấn màn hình điện thoại lần tiếp theo thì bát mở lộ ra các quân vị được sắp xếp mặt ngẫu nhiên trên đĩa. Chơi xóc đĩa là căn cứ vào mặt hiển thị của bốn quân vị, nếu có ba quân vị cùng mặt khác mặt với quân vị còn lại thì gọi là “lẻ”, các trường hợp còn lại gọi là “chẵn”. Khi bát úp vào đĩa thì mỗi người chơi sẽ đặt tiền tùy ý vào bên “chẵn” hoặc bên “lẻ”, cho đến khi hai bên của không còn người đặt tiền đánh nữa thì sẽ có một người tùy ý bấm mở bát, nếu về bên nào thì những người đặt bên về đấy sẽ được số tiền đã đặt của những người bên thua và người T đặt bao nhiêu tiền thì sẽ được nhận thêm bấy nhiêu tiền và

không có ai đứng ra làm cái. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an thành phố Phủ Lý phát hiện bắt quả tang.

* Tài sản, đồ vật thu giữ gồm: 01 bàn nhựa màu đỏ, loại bàn bốn chân; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu xanh của Nguyễn Văn M.

Thu giữ của Tô Kim B số tiền 2.800.000đ; thu giữ của Trần M D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 màu đen và số tiền 4.400.000đ; thu giữ của Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng và số tiền 700.000đ; thu giữ của Lê Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 màu đen và số tiền 2.130.000đ; thu giữ của Nguyễn Văn M số tiền 400.000đ để trước mặt; 01 ví dạng da màu nâu bên trong có số tiền 7.900.000đ; thu giữ của Chu Thành T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen.

Thu giữ 03 xe mô tô 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS: 90B2-961.68; 01 xe mô tô kiểu dáng Honda, BKS: 90H3-6563; 01 xe mô tô nhãn hiệu Lead, BKS: 29G1-388.25.

Quá trình điều tra đã xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc ngày 12/8/2022 là 18.330.000đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 153/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý đã: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 35; Điều 47 (đối với tất cả các bị cáo); điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với Tô Kim B, Chu Thành T); điểm i, s khoản 1 Điều 51 (đối với Nguyễn Văn M, Lê Văn T, Lê Văn N, Trần M D); Điều 38 (đối với Tô Kim B, Nguyễn Văn M, Lê Văn N, Trần M D, Chu Thành T); khoản 2 Điều 51; Điều 65 (đối với Lê Văn T) của Bộ luật Hình sự. Căn cứ Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo: Tô Kim B, Nguyễn Văn M, Lê Văn T, Lê Văn N, Trần M D, Chu Thành T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Tô Kim B, Chu Thành T và Nguyễn Văn M mỗi bị cáo 18 tháng tù.

Lê Văn N và Trần M D mỗi bị cáo 12 tháng tù.

Lê Văn T 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định ngày 29 và 30 tháng 12 năm 2022 các bị cáo Tô Kim B, Chu Thành T, Nguyễn Văn M, Lê Văn N và Trần M D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; ngày 03/01/2023 bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo không giam giữ.

Ngày 03/01/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam kháng nghị về phần hình phạt của bản án sơ thẩm, theo hướng đề nghị áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự, không cho bị cáo Lê Văn T được hưởng án treo.

* Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:

- Đối với kháng nghị: Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam thay đổi nội dung kháng nghị theo hướng không cho bị cáo Lê Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và bị cáo là lao động chính” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với bị cáo T: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo T xuất trình tài liệu bị cáo có bố đẻ là ông Lê Văn H tham gia quân đội được tặng thưởng bằng khen, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, chưa được xem xét. Xét bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên thấy không cần thiết áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giữ nguyên mức án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Lê Văn T đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 342, Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Văn T.

Đối với bị cáo Tô Kim B, Chu Thành T: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo. Giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo B và Tâm.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn M, Trần M D và Lê Văn N: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo M, N và D. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn M 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm; xử phạt Lê Văn N và Trần M D mỗi bị cáo 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm đều về tội “Đánh bạc”. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Văn M, Lê Văn N, Trần M D và Lê Văn T không phải chịu; bị cáo Tô Kim B và Chu Thành T phải chịu theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T rút yêu cầu kháng cáo; các bị cáo Tô Kim B, Nguyễn Văn M, Lê Văn N, Trần M D và Chu Thành T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý trong thời hạn luật định, đảm bảo đúng quy định tại Điều 332 và Điều 336 Bộ luật Tố tụng hình sự. Như vậy kháng cáo, kháng nghị là hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thừa nhận: Khoảng 16 giờ ngày 12/8/2022, tại quán nước của Tô Kim B ở tổ dân phố T, phường L, thành phố P, Tô Kim B, Trần M D, Lê Văn T, Lê Văn N, Nguyễn Văn M, Chu Thành T đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Xóc đĩa” thông qua ứng dụng được cài đặt trên điện thoại di động thì bị lực lượng Công an thành phố Phủ Lý phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 18.330.000đồng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng cùng các tài liệu thu giữ có trong hồ sơ. Như vậy với hành vi nêu trên của bị cáo: Tô Kim B, Trần M D, Lê Văn T, Lê Văn N, Nguyễn Văn M, Chu Thành T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo và kháng nghị Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an. Tệ nạn cờ bạc diễn ra dưới các hình thức đánh phỏm, xóc đĩa... ăn tiền đã gây ra những nguy hại cho cá nhân người chơi, làm cho con người mê muội đầu óc và không có chí hướng làm ăn. Khi những đối tượng chơi cờ bạc luôn hy vọng kiếm được số tiền lớn từ vận may, rủi thì càng chơi càng mất tiền và làm kiệt quệ kinh tế của bản thân và gia đình, gây ra mâu thuẫn, tan vỡ hạnh phúc gia đình. Không những vậy tệ nạn này còn gây ảnh hưởng đến trật tự, an ninh xã hội khi luôn tụ tập thành những điểm đông người kéo theo tệ nạn xã hội khác. Do đó cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo.

Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy đây là vụ án đồng phạm đơn giản, không có người đứng ra tổ chức, các con bạc không có sự

bàn bạc thống nhất từ trước, tính chất quy mô không lớn, số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc không nhiều. Tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên bị cáo: Tô Kim B, Nguyễn Văn M, Lê Văn N, Lê Văn T, Chu Thành T, Trần M D đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo Tô Kim B và Chu Thành T đều xuất trình tài liệu chứng minh gia đình có công với cách mạng, bị cáo B có mẹ đẻ bà Đặng Thị Vân được tặng bằng khen có đóng góp công sức vào cuộc kháng chiến, ông nội bị cáo Tâm là Chu Văn Cúc được tặng huân chương kháng chiến hạng ba, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo B và Tâm được hưởng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên xét thấy bị cáo Tô Kim B là người sử dụng quán nước của mình để cho các bị cáo đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt hành chính và phạt tù về hành vi sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo Chu Thành T đã bị xử lý hành chính về hành vi đánh nhau và xét xử về tội Buôn bán hàng cấm. Các bị cáo không lấy đó là bài học, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội, coi thường pháp luật cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục và răn đe. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo B và Tâm mỗi bị cáo 18 tháng tù là phù hợp, không nặng, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Tô Kim B và Chu Thành T không có căn cứ chấp nhận.

Đối với Lê Văn N, Nguyễn Văn M và Trần M D, các bị cáo là người có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, mức án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn M 18 tháng tù, Lê Văn N và Trần M D mỗi bị cáo 12 tháng tù là thỏa đáng, không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo N xuất trình tài liệu mới chứng minh có bố, mẹ đẻ là ông Lê Hữu B và bà Trần Thị L có thành tích trong kháng chiến được tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ; bị cáo D xuất trình tài liệu có bố đẻ là Trần Gia V là bệnh binh đang hưởng chế độ chất độc da cam, tham gia kháng chiến được tặng huy chương chiến sỹ giải phóng và có ông nội là Trần Gia Ưu là thương binh, được tặng huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo M xuất trình tài liệu có ông nội là Nguyễn Đức Tuyển tham gia kháng chiến được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất, bố đẻ là Nguyễn Văn Á được tặng huy chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo từng tham gia phục vụ trong quân đội, đây là tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự chưa được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho các bị cáo. Xét thấy các bị cáo N, M, D được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có thể tự cải tạo bản thân nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo N,

M, D cũng đủ rắn đe giáo dục phòng ngừa chung. Kháng cáo của các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Văn M và Trần M D xin hưởng án treo có căn cứ chấp nhận.

Đối với nội dung thay đổi yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam thấy: Khi xét xử Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu bị cáo giao nộp là đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, để áp dụng cho bị cáo Lê Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Căn cứ kết quả xác minh làm việc giữa Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý với chính quyền địa phương có căn cứ xác định gia đình bị cáo T không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thuộc diện có mức sống trung B của xã (BL694) nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là “bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính”. Nội dung thay đổi kháng nghị không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là “bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính” của Viện kiểm sát tỉnh Hà Nam có căn cứ chấp nhận. Tuy bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính”, nhưng quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo xuất trình tài liệu chứng minh gia đình có bố đẻ là Lê Văn H tham gia quân đội được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới “gia đình có công với cách mạng” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T đã nhận thức ra lỗi lầm của mình, chủ động nộp số tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm. Hội đồng xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, việc bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt đối với bị cáo, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 60 Bộ luật Hình sự và không trái với Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án đối với bị cáo T của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà giữ nguyên mức hình phạt như Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định.

Qua vụ án Hội đồng xét xử cũng kiến nghị với chính quyền địa phương rút kinh nghiệm trong việc xác nhận đơn cho các đối tượng để tránh xảy ra trường hợp tượng tự khác.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Lê Văn T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên được HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn T.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Tô Kim B, Chu Thành T phải chịu án phí theo quy định pháp luật; các bị cáo Trần M D, Lê Văn N, Lê Văn T và Nguyễn Văn M không phải chịu.

Ghi nhận bị cáo Lê Văn T đã nộp đủ tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tô Kim B, Chu Thành T.

Căn cứ Điều 342, 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Văn T.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Trần M D, Lê Văn N và Nguyễn Văn M.

Chấp nhận nội dung thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên tòa phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn T về việc không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là “bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính”.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 153/2022/HS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Tô Kim B, Chu Thành T; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn M, Lê Văn N, Trần M D và Lê Văn T; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo: Tô Kim B, Nguyễn Văn M, Lê Văn T, Lê Văn N, Trần M D, Chu Thành T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

- Bị cáo Tô Kim B 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2022 đến ngày 06/9/2022.

- Bị cáo Chu Thành T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2022 đến ngày 06/9/2022.

- Bị cáo Nguyễn Văn M 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Lê Văn N, Trần M D mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Lê Văn T 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn M và Trần M D cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Lê Văn N và Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo: Tô Kim B và Chu Thành T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo: Trần M D, Nguyễn Văn M, Lê Văn T và Lê Văn N không phải nộp.

Ghi nhận: Bị cáo Lê Văn T đã nộp 3.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm tại biên lai AA/2021/0000436 ngày 28/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý (đối trừ tiền phạt bổ sung 3.000.000đ và án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ bị cáo phải nộp theo bản án sơ thẩm thì bị cáo đã chấp hành xong phần án phí sơ thẩm và hình phạt bổ sung).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Công an thành phố Phủ Lý;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Liêm Tiết, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- UBND phường Liêm Chính, Phủ Lý, Hà Nam;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn San